Tổng quan

Thứ năm, ngày 25 tháng 1 năm 2024

Vietnam Daily Review

VN-Index điều chỉnh

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 26/1/2024		●	
Tuần 08/01-12/01/2024		●	
Tháng 1/2024		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường đi ngang trong ngày hôm nay và kết phiên tại mốc 1,170.37 điểm, giảm hơn 2 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 13/18 ngành giảm điểm. Ngành Bán lẻ giảm sâu trong những phiên trước lại dẫn đầu đà tăng hôm nay. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX và mua ròng trên sàn HNX. Thanh khoản ngày càng sụt giảm cho thấy sự thận trọng tại vùng tâm lý 1,170 – 1,185. Trong những phiên giao dịch tới, thị trường cần một cây nến chỉ hướng và sự ủng hộ của thanh khoản để có thể thấy rõ xu hướng hơn.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL vận động cùng chiều với đà giảm của VN30 ngoại trừ HĐTL F2403 và F2406. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 25/1/2024, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

• VN-Index -2.6 điểm, đóng cửa 1170.37 điểm. HNX-Index -0.01 điểm, đóng cửa 228.52 điểm.
• Kéo chỉ số tăng: MWG (+0.29), FRT (+0.25), MSN (+0.21), HAG (+0.11), LPB (+0.1).
• Kéo chỉ số giảm: BID (-0.7), SAB (-0.46), VHM (-0.43), VIC (-0.33), GAS (-0.23).
• Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 10011 tỷ đồng, giảm -24.99% so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 11362 tỷ đồng.
• Biên độ dao động: 5.96 điểm. Thị trường có 140 mã tăng, 117 mã tham chiếu, 301 mã giảm.
• Giá trị bán ròng của khối ngoại: -129.25 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm SAB(-60.69 tỷ), DGC(-58.93 tỷ), VNM(-58.91 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị 9.23 tỷ đồng.

Diễn biến BSC30, BSC50:

• BSC30 -0.17%. Các mã diễn biến tích cực: MWG (+1.80%), KDH (+0.97%), MSN (+0.91%)
• BSC50 +0.02%. Các mã diễn biến tích cực: FRT (+6.94%), DGW (+2.61%), PET (+1.77%)

Diễn biến các nhóm ngành và chỉ số

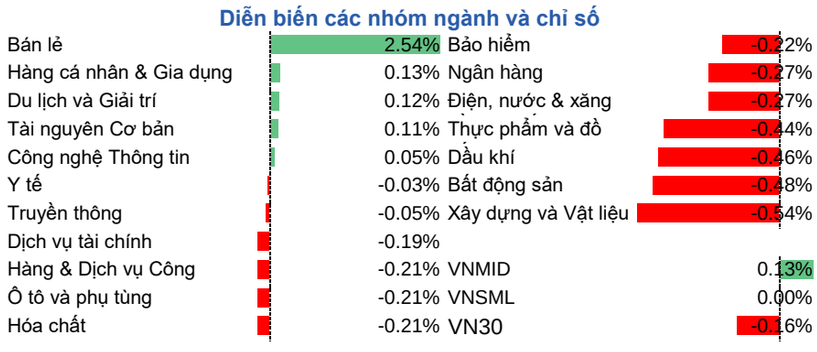

BSC RESEARCH

Trưởng phòng
Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường
Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn
Phạm Thanh Thảo
thaopt1@bsc.com.vn
Vũ Việt Anh
anhvv@bsc.com.vn
Nguyễn Giang Anh
anhng@bsc.com.vn
Nguyễn Thùy Trang
trangnt1@bsc.com.vn

VN-INDEX	**1170.37**
Giá trị: 10011.25 tỷ	-2.6 (-0.22%)
Khối ngoại (ròng): -129.25 tỷ	

HNX-INDEX	**228.52**
Giá trị: 713.08 tỷ	0 (-0.01%)
Khối ngoại (ròng): 9.23 tỷ	

UPCOM-INDEX	**87.68**
Giá trị: 328.5 tỷ	0.04 (0.04%)
Khối ngoại (ròng): -10.61 tỷ	

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	75.1	1.00%
Giá vàng	2,015	-0.70%
Tỷ giá USD/VND	24,615	0.02%
Tỷ giá EUR/VND	26,814	0.13%
Tỷ giá JPY/VND	166.64	-0.08%
LS liên NH 1 tháng	0.81%	
LS TPCP 5 năm	1.37%	

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	69.91	SAB	-60.69
VRE	51.91	DGC	-58.93
CTG	40.39	VNM	-58.91
VCB	31.90	STB	-39.07
SSI	30.66	TPB	-34.01

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
PTKT	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng ngày 23/01/2024

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	75.09	1.00%	4.05%	-0.20%	-6.25%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	80.04	0.60%	3.30%	-0.50%	-6.50%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.22	0.28%	3.78%	2.02%	-19.41%	HVN, VJC	PLX, OIL
Natural gas	USD/MMBtu	2.68	9.45%	-6.57%	10.85%	-8.39%		
TTF Gas	EUR/MWh	28.93	6.25%	4.41%	-15.35%	-48.94%		
Vàng	Ounce	2,014.56	-0.70%	0.31%	-2.64%	3.40%		PNJ
Bạc	Ounce	22.65	0.95%	0.53%	-6.41%	-5.25%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1,241.00	0.12%	2.92%	-5.91%	-17.40%	DBC, QNS	HKB
Sữa	Cwt	15.18	-0.07%	0.13%	-5.71%	-21.87%	KDC	VNM, QNS
Cao su	JPY/kg	153.80	0.52%	0.59%	3.99%	5.41%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	LB	24.46	2.99%	9.44%	19.14%	21.63%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, SLS, QNS,
Ure	USD/T	357.50	0.00%	1.42%	8.99%	-25.52%		DPM, DCM
Niken	LB	16,070.00	1.94%	1.06%	-1.28%	-43.73%		PC1
Đồng	LB	3.87	2.03%	3.61%	-0.52%	-8.84%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Xút	CNY/T	2,380.00	-0.42%	-3.25%	-15.00%	-10.73%		CSV
Thép	CNY/ton	3,910.00	0.64%	1.35%	-0.81%	-6.44%		HPG
Nhôm	Ton	2,228.00	0.00%	2.30%	-6.66%	-16.19%	CAV, SAM, TGP, VTH	

Thông tin nổi bật

Giá dầu

• Giá dầu thô Brent giao sau tăng 49 cent, tương đương 0.6%, chốt phiên ở mức 80.04 USD/thùng, trong khi dầu thô West Texas Intermediate (WTI) của Mỹ kết thúc tăng 72 cent, tương đương 1.0%, lên mức 75.09 USD.
• Giá dầu tăng khoảng 1% do sản lượng dầu thô của Mỹ giảm, các biện pháp kích thích kinh tế của Trung Quốc, căng thẳng địa chính trị và USD yếu hơn. Dự trữ dầu thô của Mỹ đã giảm 9.2 triệu thùng trong tuần trước, Cơ quan Thông tin Năng lượng cho biết, tăng hơn gấp bốn lần so với mức giảm 2.2 triệu thùng mà các nhà phân tích dự báo trong một cuộc thăm dò của Reuters.

Giá vàng

• Vàng giao ngay giảm 0.7% xuống 2,014.56 USD/ounce vào lúc 19:13 GMT, hướng tới phiên tồi tệ nhất trong một tuần. Giá vàng kỳ hạn giảm 0.5% xuống 2,016.00 USD.
• Vàng giảm điểm sau khi dữ liệu cho thấy hoạt động kinh doanh mạnh mẽ của Mỹ, ngay cả khi đồng USD suy yếu đã hạn chế thua lỗ, trong khi các nhà đầu tư chờ đợi nhiều chỉ số kinh tế hơn để đánh giá thời điểm Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) có thể cắt giảm lãi suất lần đầu tiên.

Quặng sắt

• Giá quặng sắt giao tháng 5/2024 trên Sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên (DCE) của Trung Quốc chốt phiên tăng 0.62% lên 968 CNY(134.97 USD)/tấn. Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 2/2024 trên Sàn giao dịch Singapore vẫn giảm 0.94% còn 130.75 USD/tấn.
• Giá quặng sắt kỳ hạn dao động trái chiều. Trong khi giá tại Đại Liên Trung Quốc tiếp tục tăng thì giá tại Singapore giảm xuống thấp hơn khi các nhà giao dịch chờ đợi chi tiết về các biện pháp kích thích từ người tiêu dùng hàng đầu Trung Quốc.

Giá hàng hóa khác

• Giá đường kỳ hạn tháng 3/2024 tăng 3% lên 24.46 cent/lb sau khi chạm mức cao nhất kể từ đầu tháng 12/2023 là 24.54 cent. Đường trắng kỳ hạn tháng 3/2024 tăng 2.3% lên 685.30 USD/tấn.
• Lúa mì chốt phiên cao hơn 14-1/4 cent trong ngày ở mức 6.10-3/4 USD/bushel. Đậu tương kỳ hạn tháng 3/2024 tăng 3/4 cent lên 12.40-1/4 USD/bushel, giảm mức tăng sau khi đạt 12.46 USD, cao nhất kể từ ngày 12/1/2024,

Danh mục BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài báo báo
VCB	Ngân hàng	91.0	-0.1%	0.7	20,675	1.9	6,013	15.1	105,000	23.6%	Link
BID	Ngân hàng	48.4	-1.0%	1.0	11,216	2.7	3,887	12.5	54,578	17.3%	Link
VPB	Ngân hàng	19.6	0.0%	1.0	6,338	4.0	1,532	12.8	23,685	28.2%	Link
TCB	Ngân hàng	35.0	-0.7%	1.1	5,012	6.1	5,111	6.8	-	22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	21.9	0.0%	1.1	4,642	13.1	3,668	6.0	24,400	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	30.5	-0.8%	1.0	2,337	21.6	3,825	8.0	31,200	23.8%	Link
GVR	BĐS KCN	20.9	0.0%	1.8	3,398	0.6	583	35.8	19,100	0.4%	Link
KBC	BĐS KCN	30.3	-0.7%	1.7	946	5.0	1,880	16.1	42,500	21.0%	Link
IDC	BĐS KCN	50.8	0.6%	1.2	682	1.7	3,177	16.0	45,900	18.5%	Link
VGC	BĐS KCN	50.4	-0.2%	1.4	919	0.6	3,078	16.4	-	5.3%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	28.2	0.0%	1.3	6,678	17.5	322	87.8	23,300	24.9%	Link
VHM	Bất động sản	42.1	-0.9%	1.4	7,452	3.9	9,468	4.4	79,900	22.4%	Link
VRE	BĐS	23.8	-0.6%	1.2	2,198	3.3	1,818	13.1	38,900	30.7%	Link
KDH	BĐS	31.2	1.0%	1.3	1,014	1.9	1,079	28.9	44,100	37.3%	Link
NLG	BĐS	38.4	0.5%	1.5	601	1.8	1,643	23.4	46,100	43.6%	Link
DGC	Hóa chất	95.6	-0.4%	1.3	1,490	5.4	8,861	10.8	85,000	13.5%	Link
DPM	Phân bón	32.4	-0.9%	1.2	515	2.1	4,017	8.1	41,000	9.5%	Link
DCM	Phân bón	30.7	-0.6%	1.4	661	1.4	3,050	10.1	36,000	10.7%	Link
GAS	Dầu khí	75.4	-0.5%	0.7	7,040	1.7	5,283	14.3	110,500	2.6%	Link
PLX	Dầu khí	34.5	-0.4%	0.8	1,782	0.4	2,628	13.1	45,000	17.2%	Link
PVS	Dầu khí	36.8	-0.3%	0.9	715	3.4	1,846	19.9	38,500	19.8%	Link
PVD	Dầu khí	27.6	-0.5%	1.0	622	2.3	780	35.3	29,000	22.8%	Link
POW	Tiện ích	11.4	0.4%	0.7	1,090	0.8	609	18.8	14,500	4.0%	Link
VNM	F&B	68.8	-0.3%	0.8	5,900	4.2	4,008	17.2	81,700	54.4%	Link
MSN	F&B	66.8	0.9%	1.7	3,885	3.2	570	117.2	27,700	28.1%	Link
MWG	Bán lẻ	45.2	1.8%	1.5	2,687	13.8	476	94.9	63,800	45.5%	Link
PNJ	Bán lẻ	89.5	0.1%	0.8	1,217	1.9	5,506	16.3	83,500	48.0%	Link
VHC	Thủy sản	66.3	4.1%	0.8	611	2.2	4,582	14.5	90,900	32.1%	Link
GMD	Logistics	70.0	-0.3%	0.9	870	0.9	7,504	9.3	57,000	48.4%	Link
FPT	Công nghệ	95.1	0.1%	0.8	4,910	3.3	4,798	19.8	108,000	49.0%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

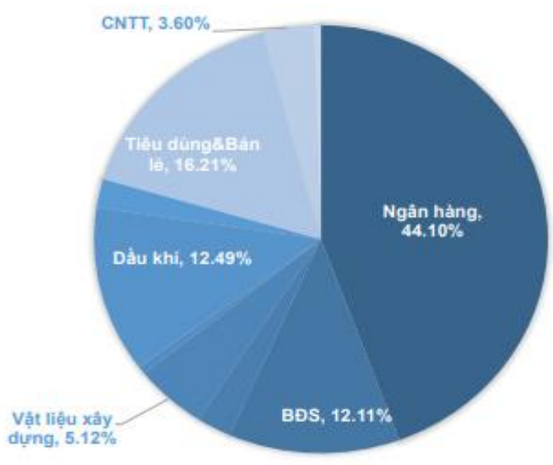

Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
CTG	Ngân hàng	32.0	0.2%	1.1	6,996	6.7	3,773	8.5	1.3	297.3%	16.1%
ACB	Ngân hàng	25.8	0.0%	1.0	4,074	5.3	3,838	6.7	1.5	30.0%	25.2%
HDB	Ngân hàng	21.0	-0.5%	0.7	2,475	4.6	2,926	7.2	1.5	19.8%	23.2%
LPB	Ngân hàng	17.4	0.9%	0.7	1,814	2.8	2,179	8.0	1.3	2.4%	15.9%
VIB	Ngân hàng	20.6	-1.2%	1.1	2,124	3.2	3,499	5.9	1.5	20.5%	28.8%
VND	Chứng khoán	21.9	-0.7%	1.8	1,084	7.6	957	22.9	1.7	22.6%	3.8%
TPB	Ngân hàng	18.2	-0.8%	1.0	1,624	4.2	2,027	9.0	1.2	29.7%	19.8%
SSI	chứng khoán	34.0	-0.1%	1.4	2,069	15.1	1,342	25.3	2.3	43.1%	9.0%
CII	Xây dựng	18.2	0.0%	1.7	235	3.0	368	49.4	-4.5	6.4%	2.6%
C4G	Xây dựng	11.7	0.0%	1.7	0	0.1	458	25.6	1.1	0.0%	5.2%
CTD	Xây dựng	67.8	1.2%	1.2	274	3.1	1,388	48.8	0.8	44.2%	0.8%
HHV	Xây dựng	15.5	-0.3%	1.5	259	1.5	1,004	15.4	0.7	5.3%	4.2%
LCG	Xây dựng	12.0	-0.4%	1.4	93	0.9	456	26.4	0.9	2.3%	3.8%
BCM	KCN	61.6	-0.6%	0.7	2,592	1.4	432	142.7	3.8	1.9%	1.7%
HUT	KCN	19.5	0.0%	1.6	708	1.2	54	362.9	1.9	0.0%	1.3%
PHR	KCN	48.2	-0.1%	1.3	265	0.2	4,592	10.5	1.8	15.9%	26.9%
SZC	KCN	36.6	3.2%	1.6	180	2.7	1,673	21.9	2.6	3.0%	10.9%
HSG	Vật liệu	23.1	1.1%	1.7	578	11.9	49	474.2	1.3	22.0%	2.3%
HT1	Vật liệu	12.6	-0.8%	1.2	195	0.0	44	284.2	1.0	3.2%	1.3%
NKG	Vật liệu	25.2	1.4%	1.8	270	7.2	(974)	-25.9	1.3	15.6%	13.5%
PTB	Vật liệu	56.2	-1.1%	0.4	154	0.2	4,707	11.9	1.4	17.4%	13.4%
KSB	Vật liệu	28.5	0.0%	1.7	88	1.1	1,210	23.6	1.1	4.0%	5.8%
NVL	BĐS	16.6	-0.6%	1.6	1,316	5.8	(309)	-53.7	0.9	3.6%	1.9%
DXG	BĐS	19.4	0.8%	2.1	572	11.3	(444)	-43.6	1.0	18.5%	3.4%
HDC	BĐS	30.8	0.5%	1.4	169	0.7	1,898	16.2	2.2	1.2%	16.9%
DIG	BĐS	26.8	0.0%	1.8	666	10.3	182	147.7	2.1	5.1%	1.1%
IJC	BĐS	14.5	0.0%	1.5	148	0.4	1,398	10.4	1.0	6.6%	10.9%
BSR	Dầu khí	18.8	-0.5%	1.3	0	1.5	2,493	7.5	1.1	0.0%	9.7%
PVT	Dầu khí	26.6	-0.6%	0.9	350	2.0	2,926	9.1	1.2	12.2%	16.4%
PLC	Vật liệu	31.0	-0.3%	1.2	102	0.0	1,287	24.1	1.9	1.2%	8.5%
DRC	Săm lốp	26.9	-0.6%	0.9	131	0.7	1,969	13.7	1.8	11.5%	13.5%
REE	Tiện ích	56.3	-0.9%	0.6	935	0.8	5,879	9.6	1.4	49.0%	18.5%
GEX	Tiện ích	21.5	0.2%	1.8	744	4.9	511	42.1	1.5	12.2%	5.4%
NT2	Tiện ích	25.3	-0.8%	0.8	296	0.8	1,718	14.7	1.7	13.5%	16.2%
HDG	Bất động sản	25.8	-0.2%	1.3	320	0.7	2,194	11.7	1.5	19.7%	16.8%
PC1	Tiện ích	28.1	-0.2%	1.4	355	4.8	936	30.0	1.9	10.0%	5.0%
GEG	Tiện ích	12.8	0.0%	0.9	178	0.1	308	41.7	1.0	37.9%	5.6%
BCG	Tiện ích	8.4	1.6%	1.9	183	2.4	(118)	-71.9	0.6	1.7%	0.3%
SAB	F&B	61.9	-0.8%	0.8	3,258	1.8	3,263	19.0	3.1	62.3%	18.7%
QNS	F&B	46.1	0.2%	0.5	0	1.1	5,496	8.4	2.1	15.6%	24.3%
FRT	Bán lẻ	106.3	6.9%	0.8	589	7.1	(1,103)	-96.4	9.4	35.1%	11.8%
DGW	Bán lẻ	55.0	2.6%	1.5	374	3.0	2,517	21.8	3.6	23.1%	21.9%
DBC	F&B	25.4	-0.6%	1.7	250	4.0	(250)	-101.7	1.3	3.3%	2.9%
PET	Bán lẻ	25.8	1.8%	1.3	112	0.4	735	35.2	1.5	0.0%	5.7%
BAF	F&B	25.2	0.0%	0.2	147	1.6	399	63.0	2.1	0.3%	10.2%
ANV	Thủy sản	29.2	-1.7%	1.1	158	3.1	1,118	26.1	1.5	2.4%	10.0%
VSC	Logistics	20.0	-0.5%	1.2	217	2.3	1,010	19.8	0.9	1.1%	7.9%
HAH	Logistics	38.4	-0.6%	1.4	165	1.1	4,676	8.2	1.6	4.2%	24.6%
CTR	Công nghệ	91.6	-1.1%	0.9	426	0.6	4,346	21.1	5.8	10.5%	32.1%
TNG	Dệt may	19.5	-0.5%	1.1	90	0.4	2,030	9.6	1.4	18.4%	17.1%

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook 4Q2023		x	Click
4	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
5	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
10	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
11	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
12	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
16	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BSC trân trọng cảm ơn quý khách hàng!

Fax: +84 8 3821 8510

http://www.bsc.com.vn

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(+84)2437173639